

14. Đầu ra

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn luôn ổn định và thời gian tốt nghiệp trung bình là hợp lý, qua đó cho thấy chương trình học là phù hợp với sinh viên. Bên cạnh đó, tỷ lệ có việc làm của sinh viên ngành Điện – Điện Tử luôn cao, qua đó cho thấy CTĐT đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Trong những năm qua, có rất nhiều công trình, bài báo được đăng trên các tạp chí, hội thảo chuyên ngành, chứng tỏ hoạt động NCKH được đẩy mạnh và phát triển.

14.1. Tỷ lệ thi đậu là thỏa đáng và tỷ lệ thôi học là chấp nhận được

Trường ĐHSPTK TPHCM áp dụng quy chế 43/2007 và quy chế học vụ của trường để xem xét các tỷ lệ đậu rớt, tốt nghiệp. Nhà trường có hệ thống phần mềm để theo dõi điểm số của sinh viên, xem xét tỷ lệ đậu rớt, bỏ học, xét tốt nghiệp,... [Exh. 2.14(1)], [phần mềm quản lý điểm số sinh viên...] hệ thống này giúp sinh viên tra cứu nhanh điểm thi và góp phần giám sát sự tiến bộ của người học một cách hiệu quả và quản lý việc tốt nghiệp và thôi học của sinh viên. [Exh. 2.14(2)_Bảng tổng hợp thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn, trước thời hạn, buộc thôi học, bỏ học qua các năm]. Bên cạnh đó, tỷ lệ đậu/rớt của từng học phần, theo học kỳ, theo năm học và tỷ lệ tốt nghiệp được khoa và nhà trường xem xét kiểm tra liên tục, nếu môn học hay học phần có tỷ lệ sinh viên rớt quá cao thì phải giải trình [MINH CHỨNG CHƯA CÓ]

Trong những năm gần đây, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn luôn ổn định trong khoảng 30%-48% và tỷ lệ này có xu hướng tăng [Exh. 2.14(3)] [Tổng hợp thống kê danh sách sinh viên xét tốt nghiệp qua các năm...]. Điều này cho thấy việc phân bố các môn học trong chương trình là hợp lý và một sinh viên có học lực trung bình vẫn có thể hoàn thành chương trình đào tạo.

Tỷ lệ sinh viên bỏ học hoặc bị buộc thôi học ngày càng giảm, từ trên 30% những năm 2003-2004 xuống dưới 15% [Exh. 2.14(4)] [danh sách và bảng số lượng sinh viên bỏ học hoặc buộc thôi học...]. Đầu mỗi học kỳ, khoa và nhà trường đề có lên danh sách cảnh báo học vụ, danh sách sinh viên được phép đăng ký môn học. Sau đó, danh sách này được công bố công khai trên website của trường, gửi về khoa thông báo đến sinh viên. Điều này cho thấy Khoa và nhà trường quan tâm đến việc học cũng như sự tiến bộ của sinh viên [Exh. 2.14(5) Quy trình các bước buộc thôi học sinh viên]. Các sinh viên bị buộc thôi học phần lớn là do các em định hướng nghề nghiệp ban đầu không tốt nên cảm thấy chán nản khi đi vào chương trình. Các em học lực yếu khi thôi học sẽ được xem xét cho học bậc học cao đẳng hoặc học hình thức không chính quy. [Exh. 2.14(5)] [Quy định về việc buộc thôi học và chuyển xuống hệ đào tạo thấp hơn...] Qua đó, cho thấy tỷ lệ thi đậu là thỏa đáng và tỷ lệ thôi học là chấp nhận được.

14.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình là thỏa đáng

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn luôn ổn định trong khoảng 28%-48%. Qua đó cho thấy tỷ lệ này là chấp nhận được và thời gian trung bình để một sinh viên tốt nghiệp là 4 năm đến 4,5 năm. Thời gian này phù hợp với thời gian theo kế hoạch học tập của chương trình đào tạo trong sổ tay sinh viên, kế hoạch học tập công bố trong CTĐT, cũng như quy chế 43/2007 về đào tạo theo hệ thống tín chỉ, luật giáo dục đại học 2012 (điều 35: Thời gian đào tạo). [Exh. 2.14(6)] [Exh. 2.14(7)] [Luật giáo dục đại học, điều 35; CTĐT ngành CNKT Đ-ĐT; sổ tay sinh viên các năm học, Bảng danh sách và số lượng sinh viên xét tốt nghiệp đúng thời hạn]. Việc tốt nghiệp đúng tiến độ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như: thực hiện việc đăng ký môn học theo học chế tín chỉ, thực hiện đúng kế hoạch học tập của năm học do phòng đào tạo lên kế hoạch đầu mỗi năm học [Exh. 2.14(8)] [kế hoạch học tập năm học], hệ thống các phòng thí nghiệm đầy đủ góp phần làm cho tiến độ học tập của sinh viên được đúng tiến độ. [Exh. 2.14(9)] [danh sách các phòng thí nghiệm]

Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trễ hơn so với thời gian yêu cầu vẫn còn khá cao, trên 30% nguyên nhân có thể là do có một số môn học khó, các em phần lớn là sinh viên ở tỉnh, phải làm thêm để trang trải cuộc sống. Khoa Điện – Điện Tử và nhà trường khuyến khích và có chế độ khen thưởng sinh viên hoàn tất khóa học và tốt nghiệp trước thời hạn [Exh. 2.14(10)] [Bảng tổng hợp danh sách sinh viên tốt nghiệp trước thời hạn, khen thưởng sinh viên tốt nghiệp trước thời hạn; Thông báo số 447/TB-PĐT ngày 5/6/2014 v/v kế hoạch tổ chức lễ phát bằng tốt nghiệp, đợt tốt nghiệp tháng 03/2014- hệ chính quy; Hướng dẫn sinh viên tốt nghiệp thực hiện khảo sát; Báo cáo số 09 /BC-ĐBCL về kết quả khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp đợt tháng 3/2014 ngày 31/7/2014; Bản kết quả tổng hợp ý kiến khảo sát sinh viên tốt nghiệp đợt T6-2014 ngành Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử Khoa Điện- Điện tử], đồng thời thực hiện nghiêm túc và triệt để việc học theo học chế tín chỉ giúp sinh viên linh hoạt lựa chọn các môn học để đảm bảo học đúng tiến độ hoặc học vượt trước thời hạn. Ngoài ra, Khoa Điện – Điện Tử và nhà trường còn xây dựng thêm các môn học tương đương để giúp sinh viên có thể linh hoạt lựa chọn các môn học [Exh. 2.14(11)] [danh sách các môn học tương đương; Thông báo TB-ĐT về kế hoạch đăng ký môn học và điều chỉnh việc đăng ký môn học; Thông báo số 06/ĐKMH-ĐT 2014 ngày 6/01/2014 v/v kế hoạch đăng ký và chỉnh sửa môn học qua mạng học kỳ 2 năm học 2013-2014]

Chất lượng sinh viên tốt nghiệp đáp ứng cầu đào tạo, và đáp ứng được nhu cầu của xã hội, tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng với chuyên ngành đào tạo cao [Exh. 2.14(12)] [Bảng phân tích tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng với chuyên ngành đào tạo; Mẫu phiếu khảo sát tìm hiểu mức độ đáp ứng nhu cầu công việc của sinh viên tốt nghiệp ĐHSPTK].

Bảng: Thống kê số lượng và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn ngành công nghệ KT Đ-ĐT

Năm học	Tổng số SV	Khóa học	Tỷ lệ tốt nghiệp văn bằng thứ nhất sau thời gian							
			Đại trà		CLC		Tổng			
			4 năm	>4 năm	4 năm	>4 năm	4 năm	Tỷ lệ %	>4 năm	
2007-2008	161	03102	54	79	0	0	54	33.54%	79	
2008-2009	182	04102	88	60	0	0	88	48.35%	60	
2009-2010	155	05102	69	49	0	0	69	44.52%	49	
2010-2011	242	06102	93	78	17	8	110	45.45%	86	
2011-2012	208	07102	90	53	0	13	90	43.27%	66	
	228	08102	45	68	19	9	64	28.07%	77	
2012-2013	212	09102	44	56	31	16	75	35.38%	72	
2013-2014	202	10102	69	0	19	0	88	43.56%	0	

Bảng: Thống kê số lượng và tỷ lệ sinh viên kéo dài

Năm học	Tổng số SV	Khóa học	Tỷ lệ tốt nghiệp văn bằng thứ nhất sau thời gian						
			Đại trà		CLC		Tổng		
			4 năm	>4 năm	4 năm	>4 năm	4 năm	>4 năm	Tỷ lệ %
2007-2008	161	03102	54	79	0	0	54	79	49.07%
2008-2009	182	04102	88	60	0	0	88	60	32.97%
2009-2010	155	05102	69	49	0	0	69	49	31.61%
2010-2011	242	06102	93	78	17	8	110	86	35.54%
2011-2012	208	07102	90	53	0	13	90	66	31.73%
	228	08102	45	68	19	9	64	77	33.77%
2012-2013	212	09102	44	56	31	16	75	72	33.96%
2013-2014	202	10102	69	0	19	0	88	0	0.00%

Bảng: Thống kê số lượng và thời gian có việc làm của SVTN của mỗi khóa

Thời điểm tốt nghiệp	3/2009	9/2010	3/2010	8/2010	3/2011	9/2011	3/2012	9/2012	3/2013	9/2013
Thời điểm khảo sát:	6/2009	1/2010	8/2010	12/2010	6/2011	1/2011	6/2012	1/2013	5/2013	1/2014
Số SV tốt nghiệp	1557	1659	1477	1211	1569	1230	1585	1749(ĐH+CĐ)		1917
Số SV khảo sát	764	691	937	663	964	1034	1074	998	548	1015

Hiện trạng việc làm:

	6/2009	1/2010	8/2010	12/2010	3/2011	9/2011	6/2012	1/2013	5/2013	1/2014
Đã có việc làm	71.18	80.45	81.28	82.3	78.02	83.28	68.9	66.33	54.87	68.9
Chưa có việc làm	28.82	19.55	18.72	17.7	21.98	16.72	31.1	33.67	45.13	31.1

Bảng: Thống kê số lượng và thời gian có việc làm của SVTN 07/2014

Tình hình việc làm	Số lượt chọn	Tỷ lệ %
Có việc làm ngay	51	18%
Sau khi tốt nghiệp 1 tháng	63	22.3%
Sau tốt nghiệp 3 tháng	41	14.5%
Còn đang tìm việc	118	41.7%
Không tìm việc làm vì có dự định khác (tiếp tục học thêm, mở cơ sở riêng,...)	10	3.5%

Bảng 1: Tỷ lệ bỏ học của sinh viên (nêu từ 8 đến 10 khóa gần đây nhất)

Năm học	CTĐT	TỔNG								
		Số lượng sinh viên tuyển mới	Số lượng và tỷ lệ SV bỏ học sau thời gian							
			1 năm	Tỷ lệ %	2 năm	Tỷ lệ %	3 năm	Tỷ lệ %	>3 năm	Tỷ lệ %
2014 -2015	Đ-ĐT	415	-		-		-		-	
2013 -2014		391	13	3.00%						
2012 -2013		294	11	4.00%	20	7.00%				
2011 -2012		186	6	3.00%	13	7.00%	16	9.00%		
2010 -2011		202	8	4.00%	11	5.00%	18	9.00%	29	14.00%
2009 -2010		212	10	5.00%	21	10.00%	26	12.00%	31	15.00%
2008 -2009		228	13	6.00%	23	10.00%	27	12.00%	32	14.00%
2007 -2008		208	12	6.00%	18	9.00%	23	11.00%	33	16.00%
2006 -2007		242	12	5.00%	16	7.00%	34	14.00%	47	19.00%
2005 -2006		155	15	10.00%	23	15.00%	27	17.00%	59	38.00%
2004 -2005		182	12	7.00%	30	16.00%	36	20.00%	56	31.00%
2003 -2004		161	6	4.00%	13	8.00%	22	14.00%	55	34.00%

* Tính theo số lượng sinh viên tuyển mới trong

** Tỷ lệ này là tỷ lệ tính gộp (vd: sau 1 năm có 3 sv nghỉ, sau 2 năm có 2 sv nghỉ => số liệu sẽ là 5 của cột sau 2 năm)

14.3. Tình hình có việc làm của sinh viên tốt nghiệp là thỏa đáng

Phòng công tác học sinh sinh viên có tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp 6 tháng, mẫu phiếu khảo sát được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra đã công bố [Exh. 2.14(13) **Mẫu phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp (sau 3 tháng tốt nghiệp)**]. Việc thực hiện này là bắt buộc khi thực hiện làm thủ tục nhận bằng tốt nghiệp, do đó đảm bảo khảo sát được toàn bộ sinh viên tốt nghiệp. Kết quả phân tích tình hình có việc làm của sinh viên cho thấy hơn 54% sinh viên tốt nghiệp có được việc làm sau khi tốt nghiệp 6 tháng [Exh. 2.14(14)] [**kết quả khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**], điều đó cho thấy việc đào tạo là đáp ứng được nhu cầu xã hội và thị trường lao động, đồng thời cũng cho thấy được nhu cầu rất lớn của thị trường lao động về lĩnh vực Điện-Điện Tử. [Exh. 2.14(15)] [**Phân tích kết quả khảo sát các ngành cần nhiều nhân lực của thị trường lao động**]. Tuy nhiên, tỷ lệ này còn thấp, nguyên nhân là do tình hình kinh tế khó khăn, và công tác hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên chưa tốt. Nhà trường phối hợp với các phòng CTHSSV, phòng ĐBCL, P.ĐT, TT.TT (mạng), đoàn TN và khoa Điện – Điện Tử lên kế hoạch, thực hiện công tác tư vấn giới thiệu việc làm cho SV, phòng quan hệ công chúng và doanh nghiệp; trung tâm dịch vụ sinh viên tổ chức phụ trách liên lạc với các bộ phận tuyển dụng ở các công ty tổ chức ngày hội việc làm, họp mặt cựu sinh viên, phối hợp thực tập tốt nghiệp [**các thông báo việc làm trên website, thông báo khoa; Thông báo số 150/TB-ĐHSPKT-CTHSSV ngày 16/10/2012 v/v tổ chức ngày hội việc làm HSSV tháng 10 năm 2012; Công văn số 125CV-ĐHSPKT-CTHSSV ngày 7/9/2012 Thư mời tham gia ngày hội việc làm HSSV chào mừng 50 năm ngày thành lập trường ĐHSPKT TP. HCM; Công văn số 133/CV/ĐHSPKT-CTHSSV Thư mời tham gia chương trình giới**

thiệu về doanh nghiệp và tuyển dụng nhân sự ngày 15/9/2013; Công văn số 139/CV-ĐHSPKT-CTHSSV Thư mời tham gia chương trình “Ngày hội giao lưu – Tuyển dụng – Việc làm” ngày 28/9/2013; Kế hoạch 138/KH-ĐHSPKT-CTHSSV về việc tổ chức chương trình “ Ngày hội giao lưu – tuyển dụng- việc làm” trường ĐSPKT TP. HCM tháng 10/2013 ngày 18/9/2013]. Bên cạnh đó, nhà trường nên kết hợp với các phòng ban thực hiện Quy trình tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho sinh viên.

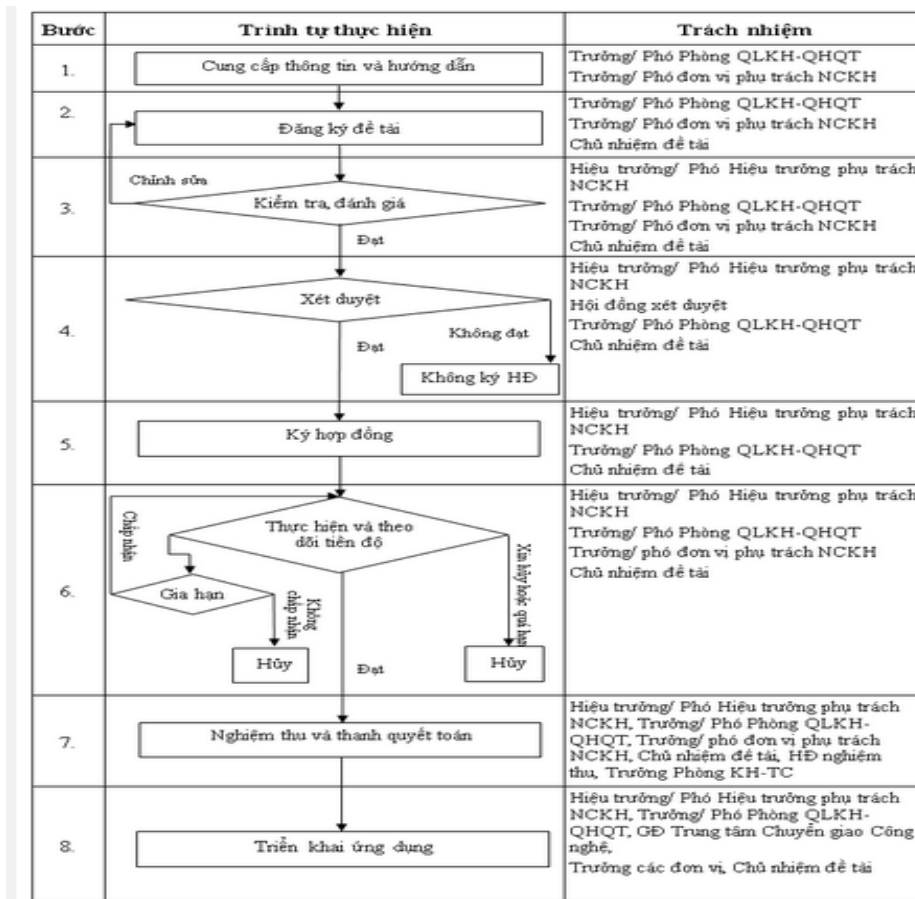
So sánh với các ngành khác trong trường, và cùng ngành với trường khác cùng ngành, kết quả phân tích cho thấy sinh viên tốt nghiệp ngành công nghệ kỹ thuật Điện-Điện Tử của trường ĐHSPKT TPHCM có tỷ lệ tốt nghiệp có được việc làm khá cao, mức lương trung bình cao hơn và nắm giữ các chức vụ quan trọng trong các cơ quan đơn vị. [Exh. 2.14(16)] [kết quả so sánh tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp so với các trường khác_CHƯA CÓ MINH CHỨNG]

Các nhà tuyển dụng luôn đánh giá cao sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện Tử có trình độ và kỹ năng làm việc, chuyên môn tốt, qua đó, cho thấy CTĐT ngành CNKT Đ-ĐT đáp ứng được nhu cầu xã hội [Exh. 2.14(17)] [Kết quả khảo sát doanh nghiệp tìm hiểu mức độ đáp ứng nhu cầu công việc của sinh viên tốt nghiệp ĐHSPKT ngày 15/7/2009 và 5/8/ 2014; Minh chứng xử lý và sử dụng ý kiến phản hồi của DN vào việc cải tiến]

14.4. Cấp độ của các hoạt động nghiên cứu của cán bộ giảng dạy và sinh viên là thỏa đáng

Mục tiêu của NCKH ở trường đại học là phục vụ cho hoạt động đào tạo và phát triển kinh tế xã hội. Căn cứ theo quy chế 43/2007, luật giáo dục đại học 2012, điều 39-42 về mục tiêu của hoạt động NCKH, trường ĐHSPKT TPHCM có chính sách phù hợp để giảng viên ngành công nghệ kỹ thuật Điện-Điện Tử tham gia nghiên cứu khoa học, cụ thể giảng viên phải tham gia NCKH với số tiết quy đổi từ 90-110 tiết/năm [Quyết định số 86/2010/QĐ-ĐHSPKT – QLKH ngày 30/12/2010: Quyết định Ban hành Quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp Trường.; Quy chế chi tiêu nội bộ (Quy định về định mức nghiên cứu khoa học của giảng viên)]. Số tiết được quy đổi tính từ các hoạt động tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp, viết báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình, biên dịch tài liệu,...Ngoài ra, việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học cũng được quy đổi ra tiết giảng cho giảng viên [Exh. 2.14(18)]. Bên cạnh đó, để khuyến khích cũng như tăng cường hoạt động NCKH, nhà trường có chính sách thưởng bằng tiền khi viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí hoặc hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị quốc tế.[Quy chế chi tiêu nội bộ; TB 42-QLKH 08/04/2014 V/v Định mức chi hỗ trợ danh sách thưởng bài báo khoa học đăng trên tạp chí]. Trong các năm qua, khoa Điện – Điện Tử có rất nhiều ấn phẩm khoa học đăng trên các tạp chí, hội nghị khoa học chuyên ngành. Điều này cho thấy, hoạt động NCKH của khoa Điện – Điện Tử trong những năm qua phát triển mạnh, nhất là số lượng bài báo tăng lên rất nhiều, trong thời gian từ 2010-2013 khoảng trên 110 bài báo. [<http://feee.hcmute.edu.vn/ArticleId/393c67fd-2567-4e1c-968d-5917723ccc83/an-pham-khoa-hoc>]. Việc phát triển mạnh bài báo phù hợp với quy mô và quá trình phát triển của khoa và trường.

Nguồn kinh phí để cung cấp cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên chủ yếu được lấy từ ngân sách nhà nước [Exh. 2.14(19)_ Tài chính cấp cho nghiên cứu: Bảng tổng hợp kế hoạch phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ từ năm 2010 đến 2013]. Quy trình thực hiện đăng ký đề tài của giảng viên được trình bày như sau:



Thực hiện chủ trương của nhà trường, Khoa Điện – Điện tử cũng đã thành lập các nhóm nghiên cứu khoa học và quy định nội dung, quy chế hoạt động cho các nhóm để động viên và thúc đẩy hoạt động NCKH của giảng viên [Exh. 2.14(20)_Quyết định về việc thành lập các nhóm nghiên cứu trọng điểm].

Trong thời gian từ 2006-2013 hoạt động NCKH của các giảng viên khoa Điện –Điện tử như sau:

- i. Tham gia, chủ nhiệm 12 đề tài cấp bộ,đề tài cấp trường, cấp trường trọng điểm, hướng dẫn 183 đề tài SV NCKH. Các đề tài mang tính khoa học cao, tính ứng dụng trong ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện-Điện Tử [Exh. 2.14(21)].
- ii. Thực hiện 17 dự án chuyển giao công nghệ và thiết bị dạy học cho các cơ sở đào tạo trong lãnh vực Điện-Điện Tử [Exh. 2.14(22)].
- iii. Các giảng viên tham gia NCKH có các bài báo đăng trên tập san thông tin khoa học, tạp chí trong nước và công bố trong các kỳ yếu hội thảo, qua đó công bố trên 110 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành [Exh. 2.14(23); Danh sách các bài báo khoa học của GV được xuất bản trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước từ 2012 đến 2014; Giấy đề nghị thanh toán năm 2012 (tháng 7, 10, 11, 12); Giấy đề nghị thanh toán 2013 (tháng 1, 4, 5, 6, 9, 10, 12); Giấy đề nghị thanh toán 2014 (tháng 1, 2, 4)].
- iv. Số lượng giảng viên tham gia NCKH và hướng dẫn sinh viên NCKH chiếm tỷ lệ 50%. [Exh. 2.14(24)] [danh sách giảng viên hướng dẫn sinh viên NCKH các năm]
- v. Bên cạnh đó, sinh viên được khuyến khích tham gia NCKH với những đề tài xây dựng mô hình, hay các đề tài tốt nghiệp có liên quan đến lĩnh vực Điện-Điện Tử [Exh. 2.14(25)] [Exh. 2.14(26); Bảng thống kê số lượng sinh viên tham gia NCKH] nên tạo không khí và niềm cảm hứng tự nghiên cứu, đặc biệt hỗ trợ nhiều cho kỹ năng làm việc, làm việc nhóm của SV sau này.
- vi. Để hỗ trợ cho việc tự học của sinh viên, trên trang Web của Khoa, Bộ môn có hướng dẫn SV cách tìm kiếm thông tin chuyên ngành thông qua các địa chỉ hữu ích [Exh. 2.14(27)] Khoa cũng đã biên

soạn bộ từ điển Anh - Việt đối chiếu cho từng môn học trong chuyên ngành Điện công nghiệp làm công cụ giúp sinh viên đọc các tài liệu chuyên ngành [Exh. 2.14(28)].

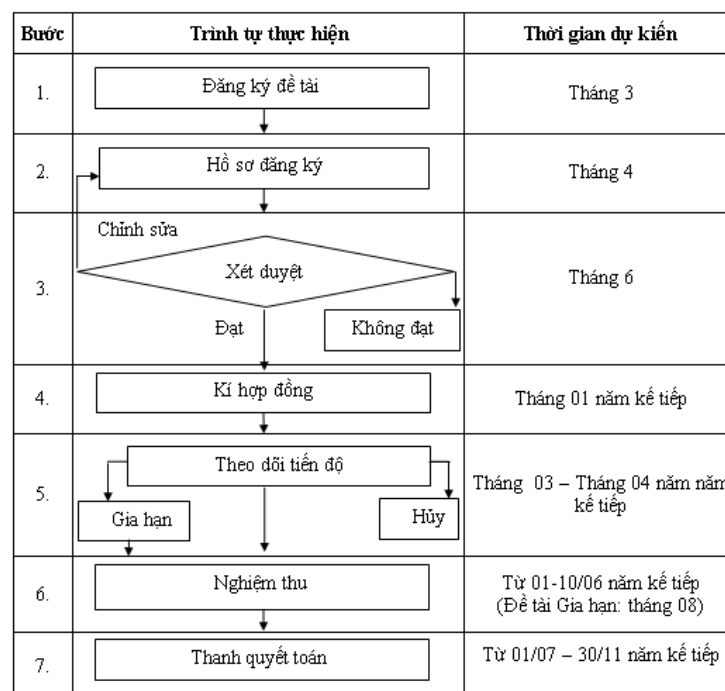
Bảng: Thống kê số lượng đề tài NCKH của sinh viên và giảng viên khoa Điện – Điện Tử 2010-2014

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Đề tài NCKH SV	20	29	10	35		45
Đề tài NCKH cấp trường	40	25	27	24	30	
Đề tài NCKH cấp trường trọng điểm và GVT		05	08	10	13	
Đề tài NCKH cấp Bộ			1	2		
Đề tài NCKH cấp Nhà nước						

Bảng: Thống kê số lượng bài báo đăng trên các tạp chí từ 2010-2014

Năm	Tạp chí quốc tế	Tạp chí trong nước	Hội nghị quốc tế	Hội nghị trong nước
2011	15	56	35	99
2012	27	52	101	26
2013	39	62	23	12
2014	27	27	13	8

Mục đích nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên là tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Hoạt động NCKH của sinh viên được nhà trường khuyến khích và hỗ trợ với nhiều quyền lợi. Hằng năm, nhà trường và khoa đều có thông báo đến toàn bộ SV và cán bộ giảng dạy về việc đăng ký thực hiện đề tài NCKH. [<http://rmiro.hcmute.edu.vn/ArticleId/30f5c542-9f35-4668-90c7-bca75877569a/huong-dan-thuc-hien-va-quan-ly-de-tai-nckh-sinh-vien>]. Trong các năm qua, số lượng và chất lượng đề tài luôn có xu hướng tăng rất nhanh, điều đó cho thấy hoạt động NCKH thu hút được rất nhiều SV tham gia, nhiều công trình NCKH của SV đạt được các giải thưởng cao [[danh sách sinh viên đạt được các giải thưởng NCKH](#)].



Hình: Lưu đồ quy trình thực hiện NCKH Sinh viên

Bảng: Thống kê số lượng sinh viên tham gia NCKH từ 2010-2014

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng cộng
Số lượng đề tài	20	29	10	35		45	139
Số lượng sinh viên tham gia NCKH	50	70	24	72		113	329

Kết luận về Tiêu chuẩn 14:

AUN-QA Tiêu chí 14 - Danh mục kiểm tra

14	Đầu ra	1	2	3	4	5	6	7
14.1	Tỉ lệ thi đậu là thỏa đáng và tỉ lệ rớt là chấp nhận được					✓		
14.2	Thời gian tốt nghiệp trung bình là thỏa đáng					✓		
14.3	Tình hình có việc làm của sinh viên tốt nghiệp là thỏa đáng					✓		
14.4	Cấp độ của các hoạt động nghiên cứu của cán bộ giảng dạy và sinh viên là thỏa đáng					✓		
	Ý kiến tổng thể					✓		

AUN-QA Criterion 14 – Checklist

14	Đầu ra	1	2	3	4	5	6	7
14.1	The pass rate is satisfactory and dropout rate is of an acceptable level.					✓		
14.2	Average time to graduate is satisfactory.					✓		
14.3	Employability of graduates is satisfactory.					✓		
14.4	The level of research activities by academic staff and students is satisfactor					✓		
	Overall opinion					✓		

DANH MỤC MINH CHỨNG

STT	Mã Minh Chứng	Tên Minh Chứng	Tình trạng
1	[Exh. 2.14(1)]	Phần mềm quản lý điểm số sinh viên	
2	[Exh. 2.14(2)]	Phần mềm xét tốt nghiệp	
3	[Exh. 2.14(3)]	[danh sách sinh viên xét tốt nghiệp qua các năm...]	
4	[Exh. 2.14(4)]	[danh sách và bảng số lượng sinh viên bỏ học hoặc buộc thôi học...].	
5	[Exh. 2.14(5)]	[quy định về việc buộc thôi học và chuyển xuống hệ đào tạo thấp hơn]	

6	[Exh. 2.14(6)]	[sổ tay sinh viên các năm học]	Đã có
7	Exh. 2.14(7)	[danh sách và số lượng sinh viên xét tốt nghiệp đúng thời hạn]	
8	[Exh. 2.14(8)]	[kế hoạch học tập năm học]	
9	[Exh. 2.14(9)]	[danh sách các phòng thí nghiệm]	
10	[Exh. 2.14(10)]	[danh sách sinh viên tốt nghiệp trước thời hạn, khen thưởng sinh viên tốt nghiệp trước thời hạn]	
11	[Exh. 2.14(11)]	[danh sách các môn học tương đương]	
12	[Exh. 2.14(12)]	[bảng phân tích tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng với chuyên ngành đào tạo].	
13	[Exh. 2.14(13)]	[phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp].	
14	[Exh. 2.14(14)]	[kết quả khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp]	
15	[Exh. 2.14(15)]	[các ngành cần nhiều nhân lực của thị trường lao động]	
16	[Exh. 2.14(16)]	[kết quả so sánh tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp so với các trường khác]	
17	[Exh. 2.14(17)]	[kết quả khảo sát nhà tuyển dụng]	Đã có
18	[Exh. 2.14(18)]	Quy chế chi tiêu nội bộ (Ban hành theo Quyết định số 56/QĐ-ĐHSPKT-KHTC ngày 10/9/2010 của Hiệu trưởng trường ĐHSPKT TP. HCM)	Đã có
19	[Exh. 2.14(19)]	[nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học]	
20	[Exh. 2.14(20)]	Nhóm nghiên cứu khoa học Khoa Điện – Điện tử, ngày 04/01/2010 và 02/02/2010	Đã có
21	[Exh. 2.14(21)]	Thống kê đề tài các cấp từ năm 2005-2013 của Khoa Điện – Điện tử	
22	[Exh. 2.14(22)]	Hợp đồng kinh tế về dịch vụ khoa học công nghệ; năm 2005, 2006, 2007, 2010, 2011, 2012, 2013	
23	[Exh. 2.14(23)]	Tên các bài báo khoa học của Khoa Điện – Điện tử đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước từ 2005 đến 2013	
24	[Exh. 2.14(24)]	[danh sách giảng viên hướng dẫn sinh viên NCKH các năm]	Đã có
25	[Exh. 2.14(25)]	Mẫu phiếu đăng ký đề tài SV NCKH	Đã có
26	[Exh. 2.14(26)]	Đồ án tốt nghiệp của SV chuyên ngành Điện Công nghiệp - đề tài Chế tạo Module điều khiển động cơ bước, tháng 12/2011	Đã có
27	[Exh. 2.14(27)]	Các đường link hướng dẫn tìm kiếm tài liệu học tập trên trang web Khoa Điện – Điện tử	Đã có
28	[Exh. 2.14(28)]	Bộ tự điển Anh – Việt đối chiếu của Khoa Điện – Điện tử	Đã có